

Số: 445/2024/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 20 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 440/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

1. Anh Lê Văn V, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số B Bà T, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Chị Trần Thị M, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số B Bà T, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn V và chị Trần Thị M tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 29/01/2019.

Qua hòa giải, vợ chồng thừa nhận không đoàn tụ được; hai bên thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần công nhận.

[2] Về con chung: Anh Vũ, chị M thừa nhận có 01 người con chung là cháu Lê Trần Thiện N, sinh ngày: 08/3/2020 và thỏa thuận: Giao cháu Lê Trần Thiện N cho chị Trần Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu N thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự thỏa thuận anh Lê Văn V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng để nuôi cháu Lê Trần Thiện N mỗi tháng là 2.500.000 đồng, kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu N thành niên là phù hợp quy định tại các Điều 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần công nhận.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về lệ phí: Anh V1, chị M thỏa thuận mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình là tự nguyện, có căn cứ nên ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn V và chị Trần Thị M.

1.2. Về con chung: Giao cháu Lê Trần Thiện N, sinh ngày: 08/3/2020 cho chị Trần Thị M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi anh V và chị M ly hôn cho đến khi cháu N thành niên.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Văn V cấp dưỡng định kỳ hàng tháng để nuôi cháu Lê Trần Thiện N, mỗi tháng là 2.500.000 đồng, kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu thành niên.

Trường hợp bên có nghĩa vụ vi phạm nghĩa vụ trả tiền thì kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.4. Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Văn V và chị Trần Thị M mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004040 ngày 27 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh V1, chị M đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Tp Huế;
- Chi cục THADS Tp Huế;
- UBND phường Xuân Phú, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;
(Đăng ký kết hôn ngày 29/01/2019)
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Như Thuần